

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/KDTM-ST

Ngày 21 tháng 12 năm 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Tư.

2. Ông Vũ Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: số 35H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP X

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Văn C - Giám đốc phòng giao dịch L - Ngân hàng TMCP X, chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 129/QĐ-QLRR ngày 06/8/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Bắc Giang

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP X, chi nhánh Bắc Giang, số 2B, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Tạ Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Ông Đinh Quang V, sinh năm 1980

3. Bà Tạ Thị Minh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm V, thôn D2, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Văn C trình bày: Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Quyết định ủy quyền số 129/QĐ-QLRR ngày 06/8/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP X, chi nhánh Bắc Giang.

Bà Tạ Thị N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X - chi nhánh Bắc Giang - Phòng Giao dịch L số hợp đồng 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017. Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,5%/năm; Mục đích vay là trả tiền mua nhựa phế liệu các loại; Thời hạn vay là 08 tháng kể từ ngày 24/11/2017. Hạn trả nợ 24/7/2018. Phương thức trả nợ: tiền gốc trả một lần vào cuối kỳ, tiền lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Bà N đã trả lãi đến ngày 27/02/2018, chưa trả được tiền gốc.

Để bảo đảm tiền vay trên, bà N có thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 04, diện tích 745,7 m² địa chỉ thửa đất tại V, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI817657, do UBND huyện H cấp ngày 25/5/2007 cho ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T. Theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/6967359/HĐBĐ ngày 12/03/2015.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện bà N và ông Tú phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2018 là 1.039.522.603 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng; Tiền lãi là 39.522.603 đồng. Trường hợp bà N và ông

Tú không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp của ông V bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2018 là 1.094.570.548 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 94.570.548 đồng. Trường hợp bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/69673559/HĐTC ngày 12/03/2015 và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2018.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày: Gia đình ông có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, người đại diện hộ kinh doanh là bà Tạ Thị N. Vợ chồng ông có vay Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017, mục đích vay là để kinh doanh sơ chế nhựa. Do làm ăn thua lỗ đến nay vợ chồng ông chưa trả được Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng anh Vinh, chị Thủy có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xóm V, thôn D2, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị vợ chồng ông phải trả tiền gốc và lãi còn nợ, vợ chồng đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng ông có thêm thời gian trả nợ cho Ngân hàng.

+ Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho bà Tạ Thị N, ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bà N, ông V và bà T không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì bà N, ông Tú, ông V, bà T vắng mặt không có lý do.

+ Ngày 18/10/2018, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 04, diện tích 745,7 m² địa chỉ thửa đất tại V, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI817657, do UBND huyện H cấp ngày 25/5/2007 cho ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì đất và tài sản gắn liền với đất không thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản, diện tích đất đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, trên đất có nhà hai tầng, bán mái nhà cấp bốn và công trình phụ; 01 mái hiên lợp Proximăng khung gỗ.

+ Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì.

+ Ngày 30/11/2018, Tòa án hoãn phiên tòa vì bà Tạ Thị N, ông Nguyễn Hữu T, ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

+ Tại phiên tòa hôm nay bà Tạ Thị N, ông Nguyễn Hữu T, ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T tiếp tục vắng mặt.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X và buộc bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2018 là 1.094.570.548 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 94.570.548 đồng. Trường hợp bà N và ông Tú không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp của ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tạ Thị N, ông Nguyễn Hữu T, ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông Tú, ông V, bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP X và bà Tạ Thị N là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Bà Tạ Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017 với Ngân hàng TMCP X vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là để trả tiền mua nhựa phế liệu các loại. Thời hạn vay là 08 tháng kể. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/7/2018. Phương thức thanh toán là lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, tiền gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, bà N vi phạm thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi, nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017 thì thấy: Ngân hàng TMCP X có giải ngân cho bà N vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả một lần vào cuối kỳ; Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 24/7/2018. Số tiền tạm tính đến ngày 20/12/2018, bà N còn nợ Ngân hàng là 1.094.570.548 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 94.570.548 đồng. Bà N không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy bà N vi phạm Mục 7 của Hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017, Ngân hàng khởi kiện ông bà N là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Bà N vay tiền để kinh doanh, phục vụ kinh tế chung của gia đình, ông Nguyễn Hữu T là chồng bà N, bà N và ông Tú đang sống cùng một nhà, vì vậy ông Tú phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ mà bà N còn nợ Ngân. Ngân hàng yêu cầu bà N và ông Tú phải có trách nhiệm trả số nợ theo Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 04, diện tích 745,7 m² địa chỉ thửa đất tại V, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AI817657, do UBND huyện H cấp ngày 25/5/2007 cho ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T thì thấy: Ngày 12/03/2015 ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 01/2015/6967359/HĐTC, với nội dung ông V và bà T dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 0, tờ bản đồ số 04, diện tích 745,7 m² địa chỉ thửa đất tại V, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI817657, do UBND huyện H cấp ngày 25/5/2007 cho ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo đảm (bà Tạ Thị N) đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng...trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2015 đến ngày 12/03/2020. Hợp đồng được Văn phòng công chứng Xương Giang chứng nhận số 729/2015, quyền số: 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2015. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017 ký giữa Ngân hàng X với bà Tạ Thị N trong thời hạn của Hợp đồng thế chấp trên. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6967359/HĐTC ngày 12/3/2015 và phù hợp với Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP X được chấp nhận, do vậy bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 2.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy bà N và ông Tú phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017 tạm tính đến ngày 20/12/2018 là 1.094.570.548 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi tư triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 94.570.548 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 21/12/2018 ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 03/2017/6970045/HĐTD ngày 24/11/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. 3. Trường hợp bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại các tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 04, diện tích 745,7 m² địa chỉ thửa đất tại V, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI817657, do UBND huyện H cấp ngày 25/5/2007 cho ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T thì thấy: Ngày 12/03/2015 ông Đinh Quang V và bà Tạ Thị Minh T. Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6967359/HĐTC ngày 12/3/2015.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải chịu 44.837.116 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.590.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06967 ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2.5. Về chi phí tố tụng: Bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP X được nhận lại số tiền này khi Bà Tạ Thị N và ông Nguyễn Hữu T nộp.

2.6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND TP B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo